

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 tháng 4 năm 2021.

V/v “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Lĩnh và ông Đỗ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 20/2021/TB-TA ngày 12/4/2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu P - Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Dương Đình C - Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Chị P và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu P vắng tại phiên tòa, nhưng theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị P trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Chị và anh Dương Đình C tự nguyện kết hôn với nhau ngày 07/10/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình anh C tại xã N một thời gian ngắn rồi đi làm ăn và thuê trọ ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do anh C không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình con cái, nhiều lần đánh chửi chị, cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng và chàm, không hòa thuận. Mặc dù gia đình hai bên cũng đã nhiều lần tham gia nhắc nhở nhưng không kết quả, mâu thuẫn vợ chồng vẫn

không giải quyết được mà ngày càng nghiêm trọng hơn nên từ đầu năm 2019, chị đã đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện T và vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Dương Đình C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu P khai chị và anh Dương Đình C có với nhau 01 con chung là Dương Gia P; sinh ngày 22/4/2017, con chung đang ở với chị và do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị Thu P khai chị và anh Dương Đình C không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Dương Đình C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có lời khai thể hiện quan điểm như sau: Anh C trình bày về quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Thu P đúng như chị P đã trình bày, xác nhận anh và chị P đã không còn sống chung, không còn quan hệ gì nữa, hôn nhân không thể níu kéo được và tình cảm không còn vì vậy cũng yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu P.

- Về con chung: Anh Dương Đình C xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thu P có với nhau 01 con chung là Dương Gia P; sinh ngày 22/4/2017, hiện nay con chung đang ở với mẹ là chị P vì vậy sau khi ly hôn anh C đồng ý để cho chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Dương Đình C xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thu P không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu P từ chối hòa giải và bị đơn anh Dương Đình C cũng nhiều lần vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án theo quy định. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh C và chị P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Dương Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do có nhiều bất đồng về lối sống làm cho cuộc sống vợ chồng không được

hòa thuận, cả hai lại không có biện pháp tích cực để cùng nhau khắc phục, giải quyết bất đồng làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến phải sống ly thân. Kể từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chia sẻ giúp đỡ nhau trong công việc gia đình. Như vậy, có căn cứ để khẳng định chị P, anh C đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của chị P và anh C là có căn cứ, không trái pháp luật nên nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Dương Đình C có 01 con chung như đã trình bày ở trên. Từ trước cho đến nay con chung vẫn do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đang ở cùng chị P. Chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con, còn về phía anh C cũng đồng ý để cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào lời trình bày và yêu cầu của các bên, xét hoàn cảnh thực tế thì con chung vẫn do chị P chăm sóc nuôi dưỡng và hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, để cho con chung có được sự chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ nhất, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên sau khi ly hôn giao cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P tự nguyện không yêu cầu nên trong vụ án này không buộc anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Dương Đình C đều xác nhận không có nên không giải quyết.

[5]. Án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Nguyễn Thị Thu P và anh Dương Đình C được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Dương Gia P; sinh ngày 22/4/2017 (hiện nay con đang ở với chị P). Anh Dương Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có, không giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu P phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai*

“*thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001611 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Q, h. T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Vũ